

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày: 19/12/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Lai;

2/ Ông Lê Văn Những;

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Ng V Th, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp 3, xã Bình Hoà Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An;

2/ Bị đơn: Ông Ng Ph C, sinh năm 1982 và bà Ng Th C V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp Cả Đá, xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

(Ông Th có mặt, Ông C, Bà V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, Ông Ng V Th, như sau:

Vào ngày 29/8/2023 (âm lịch) Ông Th có cho Ông Ng Ph C mượn với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và hứa thời gian 3 tháng sẽ trả đủ

cho Ông Th số tiền gốc đã mượn. Ông C có làm giấy biên nhận và có ký tên vào trong giấy biên nhận mượn tiền.

Đến ngày 05/12/2023 (âm lịch) Ông Ng Ph C có mượn thêm số tiền 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu) đồng, Ông C có làm giấy biên nhận và có ký tên vào trong giấy biên nhận mượn tiền trả và hẹn 01 tháng sẽ trả đủ cho Ông Th số tiền gốc đã mượn. Nhưng Ông C chỉ trả trước cho Ông Th số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Ông C còn nợ lại số tiền là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Đến nay đã quá thời hạn mà vợ chồng Ông Ng Ph C vẫn chưa chịu trả cho Ông Th số tiền nói trên.

Nay Ông Ng V Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa buộc vợ chồng bà Ng Th C V và Ông Ng Ph C phải liên đới chịu trách nhiệm và nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ông Th số tiền gốc là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

2/ Bị đơn, Ông Ng Ph C và bà Ng Th C V, đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng Ông C và Bà V tiếp tục vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến như nội dung tóm tắt của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ông Ng V Th khởi kiện yêu cầu Ông Ng Ph C và bà Ng Th C V liên đới trả số tiền vay 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do Ông C và Bà V cư trú tại huyện Mộc Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Ng Ph C, bà Ng Th C V đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông C và Bà V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Theo giấy biên nhận ngày 29/08/2023 (AL) thể hiện việc Ông Ng Ph C có vay của Ông Ng V Th số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đến ngày 05/12/2023 (âm lịch) Ông Ng Ph C có mượn thêm

số tiền 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu) đồng cả hai lần vay Ông C đều có ký biên nhận, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó có căn cứ xác định Ông C còn nợ Ông Th số tiền vốn vay 435.000.000 (Bốn trăm ba mươi lăm triệu) đồng, Ông Th xác định Ông C đã trả trước ông số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) của biên nhận ngày 29/08/2023 (AL) còn nợ lại số tiền 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng và còn nợ số tiền 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu) của lần vay thứ hai theo biên nhận ngày 05/12/2023 (âm lịch). Tổng cộng số tiền còn nợ lại là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ông Th là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.1] Về yêu cầu tính lãi suất:

Căn cứ biên nhận nợ các khoản vay ngày 29/08/2023 âm lịch (13/10/2023 dương lịch) của biên nhận thứ nhất và ngày 05/12/2023 âm lịch (15/01/2024 dương lịch) của biên nhận thứ hai thể hiện hai bên không có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên đây là khoản vay có thời hạn, Ông C và Bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự, Ông C và Bà V có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ số tiền gốc của biên nhận ngày 29/08/2023 (AL) còn nợ lại số tiền 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, biên nhận ngày 05/12/2023 (âm lịch) số tiền 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu) và mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ông Ng V Th yêu cầu tính lãi tính từ ngày 30/11/2023 âm lịch (11/01/2024 dương lịch) của biên nhận thứ nhất và ngày 06/01/2024 âm lịch (15/02/2024 dương lịch) của biên nhận thứ hai đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

- 140.000.000 đồng tính từ ngày 11/01/2024 đến ngày 19/12/2024 cụ thể như sau: $140.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 343 \text{ ngày} = 13.285.533$ (mười ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi ba) đồng.

- 235.000.000 đồng tính từ ngày 15/02/2024 đến ngày 19/12/2024 cụ thể như sau: $235.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 308 \text{ ngày} = 20.025.133$ (hai mươi triệu không trăm hai mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba) đồng.

Tổng cộng tiền lãi của hai lần vay nêu trên là: $13.285.533 + 20.025.133 = 33.310.666$ (ba mươi ba triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

[3.2] Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới: Thời điểm Ông C vay tiền, Bà V và Ông C là trong thời kỳ hôn nhân; vợ chồng hợp pháp còn đang chung sống với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 288 Bộ luật dân

sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu liên đới của Ông Th là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C và Bà V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Ng V Th đối với Ông Ng Ph C và bà Ng Th C V.

Buộc Ông Ng Ph C và bà Ng Th C V phải liên đới trả cho Ông Ng V Th số tiền vốn vay còn nợ 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 33.310.666 (ba mươi ba triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng. Tổng cộng 408.310.666 (Bốn trăm lẻ tám triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ng Ph C và bà Ng Th C V phải liên đới chịu 20.332.427 (Hai mươi triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng.

Ông Ng V Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ông Th số tiền 9.375.000 (Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002959 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Các đương có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An; ;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi